

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Bắc Thăng Long có nhu cầu tiếp nhận thông tin báo giá của hàng hóa, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **May đồ vải bệnh nhân năm 2026** của đơn vị (hoặc có thể tham khảo để xây dựng kế hoạch dự toán, khái toán) với nội dung cụ thể sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu thông tin:

1. Đơn vị yêu cầu: Bệnh viện Bắc Thăng Long - Tổ 18 - xã Thụ Lâm - TP Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người trực tiếp nhận thông tin:

Người trực tiếp nhận thông tin: Đc Nguyễn Thị Thùy Linh.

Số điện thoại: 0975961099 Email: thuylinhbt188@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận:

- Thư yêu cầu này đã được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> hoặc trên Website Bệnh viện theo địa chỉ: <http://benhvienbachthanglong.org.vn>.

- Thời gian tiếp nhận báo giá: trước 17h 00' ngày 18 tháng 7 năm 2026

Sau thời điểm nêu trên Bệnh viện sẽ không tiếp nhận các thông tin gửi đến.

- Bản cứng gửi theo địa chỉ: Phòng Hành chính quản trị

Bệnh viện Bắc Thăng Long – Thôn Kỉnh Nỗ - xã Thụ Lâm - thành phố Hà Nội.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa (có phụ lục hàng hóa đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Bắc Thăng Long - Tổ 18 - xã Thụ Lâm - TP Hà Nội.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không

5. Các thông tin khác:

- Người tham dự chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, kí tên khi nộp bảng chào giá.

Trong bảng chào giá ghi rõ thời gian bảo hành, bảo trì và hậu mãi (nếu có).

-Quý nhà cung cấp cần điền đầy đủ các thông tin trong Mẫu báo giá (hãng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất...)

Kính mong các đơn vị tham gia và cung cấp tài liệu./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tải Website);
- Bộ phận mua sắm;
- Lưu: VT, Bộ phận mua sắm.

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 989 /YCBG-BVBTL ngày 10/ 07/2026)

STT	Tên đồ vải	Số lượng	Đvt	Quy cách -Thông số kỹ thuật																		
1	Áo bệnh nhân kẻ xanh	400	Cái	Màu sắc: Màu xanh Chất liệu: Vải Kate, kate sọc Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 115.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 290 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.28 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) $1112.9 \times 475.7 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) $-0.6 \times -0.2 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) 100% Polyester Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi. Áo gắn tem size tại cổ áo, được may cố định chắc chắn, không bong tróc, rơi rớt hoặc phai mờ trong quá trình sử dụng, giặt và ủi. - May theo đúng yêu cầu, có in tên khoa và logo của Bệnh viện May theo size, chi tiết; <table><tr><th>Size</th><th>Số lượng</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>S</td><td>100</td><td>May viền xanh dương phía sau cổ áo</td></tr><tr><td>M</td><td>130</td><td>May viền vàng phía sau cổ áo</td></tr><tr><td>L</td><td>100</td><td>May viền hồng phía sau cổ áo</td></tr><tr><td>XL</td><td>50</td><td>May viền tím phía sau cổ áo</td></tr><tr><td>XXL</td><td>20</td><td>May viền đỏ phía sau cổ áo</td></tr></table>	Size	Số lượng	Ghi chú	S	100	May viền xanh dương phía sau cổ áo	M	130	May viền vàng phía sau cổ áo	L	100	May viền hồng phía sau cổ áo	XL	50	May viền tím phía sau cổ áo	XXL	20	May viền đỏ phía sau cổ áo
Size	Số lượng	Ghi chú																				
S	100	May viền xanh dương phía sau cổ áo																				
M	130	May viền vàng phía sau cổ áo																				
L	100	May viền hồng phía sau cổ áo																				
XL	50	May viền tím phía sau cổ áo																				
XXL	20	May viền đỏ phía sau cổ áo																				
2	Quần bệnh nhân kẻ xanh	400	Cái	Màu sắc: Màu xanh Chất liệu: Vải Kate, kate sọc Màu sắc: Cùng màu sắc, họa tiết với màu sắc, họa tiết của áo. Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 115.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 290 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.28 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) $1112.9 \times 475.7 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) $-0.6 \times -0.2 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) 100% Polyester Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, quần dài rút, có 1 túi sau,																		



STT	Tên đồ vải	Số lượng	Đvt	Quy cách -Thông số kỹ thuật																		
				theo mẫu bệnh viện. Có tem size nhận dạng được may cố định tại mặt trong cặp quần không bong tróc, rơi rớt hoặc phai mờ trong quá trình sử dụng, giặt và ủi - May theo đúng yêu cầu, có in tên khoa và logo của Bệnh viện May theo size, chi tiết. <table><tr><th>Size</th><th>Số lượng</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>S</td><td>100</td><td></td></tr><tr><td>M</td><td>130</td><td></td></tr><tr><td>L</td><td>100</td><td></td></tr><tr><td>XL</td><td>50</td><td></td></tr><tr><td>XXL</td><td>20</td><td></td></tr></table>	Size	Số lượng	Ghi chú	S	100		M	130		L	100		XL	50		XXL	20	
Size	Số lượng	Ghi chú																				
S	100																					
M	130																					
L	100																					
XL	50																					
XXL	20																					
3	Áo phẫu thuật	150	Cái	Màu sắc: Màu xanh kết Chất liệu: Vải Kaki thun Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 246.6 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $460 \times 337 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.52 ± 0.2Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1529.7 \times 1062.5 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-0.6 \times -0.2 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 76.0 ± 0.5 Rayon 21.0 ± 0.5 Spandex 3.0 ± 0.5 Kiểu dáng: áo dài 120 cm, có khẩu trang liền, Tay + thân áo+ khẩu trang buộc dây. - May theo đúng yêu cầu, có in tên khoa và logo của Bệnh viện																		
4	Áo vàng người nhà	100	Cái	Màu sắc: Màu vàng Chất liệu: Vải thô Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 187.1 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $400 \times 180 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.35 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) $1674.8 \times 704.7 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) $-1.0 \times +0.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.4 ± 0.5 Cotton 13.6 ± 0.5 Kiểu dáng: Áo cổ tròn, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo dưới gối 5 - 10cm, phía trước có 3 túi, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, may theo mẫu bệnh viện.																		

STT	Tên đồ vải	Số lượng	Đvt	Quy cách -Thông số kỹ thuật												
5	Áo xanh chạy ngoài phòng mổ	50	Cái	Màu sắc: Màu xanh kết Chất liệu: Vải Kaki Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 217.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $435 \times 212 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ± 0.2Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1901.0 \times 889.5 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.3 \times 0.0 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.7 ± 0.5 Cotton 13.3 ± 0.5 Kiểu dáng: Áo kiểu ngắn tay, dài tay, cổ trái tim (viền vàng phía sau cổ) chui đầu, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. In Logo bệnh viện phía ngực trái, theo mẫu của bệnh viện <table><tr><th>Size</th><th>Số lượng</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>L</td><td>15</td><td></td></tr><tr><td>XL</td><td>25</td><td></td></tr><tr><td>XXL</td><td>15</td><td></td></tr></table>	Size	Số lượng	Ghi chú	L	15		XL	25		XXL	15	
Size	Số lượng	Ghi chú														
L	15															
XL	25															
XXL	15															
6	Quần xanh chạy ngoài phòng mổ	50	Cái	Màu sắc: Màu xanh kết Chất liệu: Vải Kaki Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 217.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $435 \times 212 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.38 ± 0.2Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1901.0 \times 889.5 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021) (DọcxNgang) $-1.3 \times 0.0 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 86.7 ± 0.5 Cotton 13.3 ± 0.5 - Kiểu dáng: quần 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau, quần dài rút theo mẫu của bệnh viện. <table><tr><th>Size</th><th>Số lượng</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>L</td><td>15</td><td></td></tr><tr><td>XL</td><td>25</td><td></td></tr><tr><td>XXL</td><td>15</td><td></td></tr></table>	Size	Số lượng	Ghi chú	L	15		XL	25		XXL	15	
Size	Số lượng	Ghi chú														
L	15															
XL	25															
XXL	15															
7	Ruột gối	200	Cái	Chất liệu: mút Màu sắc: trắng; Kích thước: 40 x 25 x7 cm; Ruột gối được làm bằng mút xốp, hình khối chữ nhật, có tính đàn hồi cao, gối êm dễ chịu.												
8	Ga giường KT 1,4m * 2,4m	300	Cái	Màu sắc: Màu trắng Chất liệu: Vải Kaki, thô Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 193.4 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang)												

STT	Tên đồ vải	Số lượng	Đvt	Quy cách - Thông số kỹ thuật
				393 x 184 ± 2 Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.35 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 1643.7 x 756.2 ± 2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) – 1.0 x – 0.1 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 87.0 ± 0.5 Cotton 13.0 ± 0.5 - Kích thước: 1,4m * 2,4 Kiểu dáng : May gấp 4 góc theo mẫu của bệnh viện Thấm hút mồ hôi tốt. Ít nhăn, ít co rút, không xù lông.
9	Săng phẩu thuật 2.5*1.5m xanh	100	Cái	Màu sắc: Màu xanh két Chất liệu: Vải Kaki, thô Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 194.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 394 x 186 ± 2 Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.36 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) 1838.5 x 777.8 ± 2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330 2021), (DọcxNgang) – 1.4 x – 0.1 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 87.4 ± 0.5 Cotton 12.6 ± 0.5 - Kích thước: 2.5m*1.5 Kiểu dáng : Theo mẫu của bệnh viện
10	Săng có lỗ (1m*0.8m) Trắng	200	Cái	Màu sắc: Màu trắng Chất liệu: Vải Kaki, thô Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 193.4 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) 393 x 184 ± 2 Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.35 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) 1643.7 x 756.2 ± 2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) – 1.0 x – 0.1 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 87.0 ± 0.5 Cotton 13.0 ± 0.5 - Kích thước: (1m*0.8m) Kiểu dáng : Theo mẫu của bệnh viện

STT	Tên đồ vải	Số lượng	Đvt	Quy cách -Thông số kỹ thuật												
11	Săng không lỗ (1m*0.8m) trắng	300	Cái	Màu sắc: Màu trắng Chất liệu: Vải Kaki, thô Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 193.4 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $393 \times 184 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.35 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013) (DọcxNgang) $1643.7 \times 756.2 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) $-1.0 \times -0.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 87.0 ± 0.5 Cotton 13.0 ± 0.5 - Kích thước: (1m*0.8m) Kiểu dáng: Theo mẫu của bệnh viện												
12	Áo bệnh nhân thận	100	Cái	Màu sắc: Màu xanh Chất liệu: Vải Kate, kate sọc Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 115.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 290 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.28 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) $1112.9 \times 475.7 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) $-0.6 \times -0.2 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) 100% Polyester Kiểu dáng: Áo kiểu pyjama, ngắn tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 3 túi, áo xẻ tay cài cúc. Áo gắn tem size tại cổ áo, được may cố định chắc chắn, không bong tróc, rơi rớt hoặc phai mờ trong quá trình sử dụng, giặt và ủi. - May theo đúng yêu cầu, có in tên khoa và logo của Bệnh viện In Logo bệnh viện phía ngực trái, theo mẫu của bệnh viện												
				<table><tr><th>Size</th><th>Số lượng</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>S</td><td>20</td><td>May viền xanh dương phía sau cổ áo</td></tr><tr><td>M</td><td>50</td><td>May viền vàng phía sau cổ áo</td></tr><tr><td>L</td><td>30</td><td>May viền hồng phía sau cổ áo</td></tr></table>	Size	Số lượng	Ghi chú	S	20	May viền xanh dương phía sau cổ áo	M	50	May viền vàng phía sau cổ áo	L	30	May viền hồng phía sau cổ áo
Size	Số lượng	Ghi chú														
S	20	May viền xanh dương phía sau cổ áo														
M	50	May viền vàng phía sau cổ áo														
L	30	May viền hồng phía sau cổ áo														
13	Quần bệnh nhân thận	100	Cái	Màu sắc: Màu xanh Chất liệu: Vải Kate, kate sọc Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 115.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $430 \times 290 \pm 2$												

STT	Tên đồ vải	Số lượng	Đvt	Quy cách -Thông số kỹ thuật												
				Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.28 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) $1112.9 \times 475.7 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330:2021), (DọcxNgang) $- 0.6 \times - 0.2 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) 100% Polyester Kiểu dáng: Quần kiểu pyjama, quần dài rút, có 1 túi sau, theo mẫu của bệnh viện. Có tem size nhận dạng được may cố định tại mặt trong cặp quần không bong tróc, rơi rớt hoặc phai mờ trong quá trình sử dụng, giặt và ủi. <table><tr><th>Size</th><th>Số lượng</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>S</td><td>20</td><td></td></tr><tr><td>M</td><td>50</td><td></td></tr><tr><td>L</td><td>30</td><td></td></tr></table>	Size	Số lượng	Ghi chú	S	20		M	50		L	30	
Size	Số lượng	Ghi chú														
S	20															
M	50															
L	30															
14	Săng mỗ mắt KT 50*50	50	Cái	Màu sắc: Màu xanh kết Chất liệu: Vải Kaki, thô Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 194.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $394 \times 186 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.36 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) $1838.5 \times 777.8 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330 2021), (DọcxNgang) $- 1.4 \times - 0.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 87.4 ± 0.5 Cotton 12.6 ± 0.5 - Kích thước 0,5*0,5m Kiểu dáng : Theo mẫu của bệnh viện												
15	Săng không lỗ KT 80*90 xanh	150	Cái	Màu sắc: Màu xanh kết Chất liệu: Vải Kaki, thô Thông số: Khối lượng vải (G/M2) (ISO 3801:1977) 194.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) (ISO 7211-2:1984) (DọcxNgang) $394 \times 186 \pm 2$ Độ dày vải (MM) (ISO 5084:1996) 0.36 ± 0.2 Độ bền kéo đứt (N) (ISO 13934-1:2013), (DọcxNgang) $1838.5 \times 777.8 \pm 2$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (ISO 5077:2007/ISO 6330 2021), (DọcxNgang) $- 1.4 \times - 0.1 \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) (ISO 105-C06 A1S:2010) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) (ISO 1833:2019) Polyester 87.4 ± 0.5												

STT	Tên đồ vải	Số lượng	Đvt	Quy cách - Thông số kỹ thuật
				Cotton 12.6 ± 0.5 - Kích thước 0,8*0,9m Kiểu dáng: Theo mẫu của bệnh viện
16	Bộ đồ sơ sinh cotton	100	Bộ	Bộ sơ sinh Chất liệu cotton, co giãn, thấm hút tốt, giữ ấm vải mềm mại dễ chịu - Kích thước thích hợp sử dụng cho trẻ sơ sinh từ 1,5kg-4kg Quy cách may: 01 áo sơ sinh chất liệu cotton, kích thước: 26cm x32cm 01 quần sơ sinh chất liệu cotton, kích thước Dài quần 28-30 cm 01 mũ chất liệu cotton, kích thước: 17cm x17cm - Màu sắc màu trắng và in logo của bệnh viện
17	Chăn ủ sơ sinh mùa hè	50	Cái	Kích thước 80 × 80 cm; chất liệu cotton, không chăn bông; màu sắc theo yêu cầu; đường may chắc chắn, đều mũi, mềm mại, thấm hút tốt, phù hợp sử dụng cho trẻ sơ sinh trong điều kiện thời tiết mùa hè và môi trường bệnh viện. in logo của bệnh viện
18	Chăn ủ sơ sinh mùa đông	50	Cái	Kích thước 80 × 80 cm; cấu tạo 03 lớp gồm lớp ngoài bằng vải cotton hoặc nỉ mềm, lớp giữa chăn bông và lớp trong bằng vải cotton mềm; chăn cổ định, đường may chắc chắn, mềm mại, giữ ấm tốt, phù hợp sử dụng cho trẻ sơ sinh trong điều kiện thời tiết lạnh và môi trường bệnh viện. in logo của bệnh viện
19	Áo ống chất thun	50	Cái	Chất liệu vải thun, co giãn tốt, thấm hút mồ hôi; kiểu dáng áo ống không tay; kích thước thành phẩm khoảng 30 × 40 cm; đường may chắc chắn, in logo của bệnh viện.

